TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v: "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm:
1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963
Trú tại: ấp H, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh BT
Bị đơn: Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1958
Trú tại: ấp H, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh BT.
(*Bà N có mặt, ông G yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:

Theo nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn G tự nguyện kết hôn là do mai mối và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 1993, đến ngày 08/10/1994 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng có nhiều bất ổn nhưng vì con cái nên bà N đã bỏ qua tất cả để hàn gắn tình cảm vợ chồng và lo cho con. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, do ông G thường xuyên đi uống rượu say xỉn về nhà đập phá đồ đạc, chửi bới vợ con, rượt đánh bà N nhiều lần dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, vợ chồng còn không hợp ý nhau. Sự việc xảy ra bà N có báo với Ủy ban xã SĐ, Ủy ban xã SĐ có tổ chức hòa giải động viên ông G sửa đổi nhưng được vài hôm thì trở lại như cũ, ông G không chịu sửa đổi bản thân nên bà N và ông G đã ly thân đến nay được 01 năm nhưng vẫn sống chung nhà. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/7/1997. Nay Trần Thị Thủy T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Trần Văn G trình bày:

Ông Trần Văn G vắng mặt nên không có lời trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải nhưng vào ngày 17/8/2018 ông G có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công chuyện làm ăn và ông G có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông G không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thủy Tiên, sinh ngày 09/7/1997. Nay Trần Thị Thủy T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông G khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cũng trong ngày 17/8/2018 ông Trần Văn G có thay đổi quan điểm về hôn nhân ông G đồng ý ly hôn với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ kiện xin ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] *Về tố tụng*: Ông Trần Văn G có đơn xin giải quyết vắng mặt ông G đề ngày 17/8/2018 nên được chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Trần Văn G.

Về hôn nhân: Bà N và ông G tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh BT vào ngày 08/10/1994 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà N cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do ông G thường xuyên đi uống rượu say xỉn về nhà đập phá đồ đạc, chửi bới vợ con, rượt đánh bà N nhiều lần dẫn đến vợ chồng

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng còn không hợp ý nhau, bà N đã cho ông G nhiều cơ hội nhưng ông G sửa đổi bản thân.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông G thực tế có xảy ra, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa hôm nay bà N xác định không còn tình cảm với ông G, bà N và ông G đã ly thân đến nay được 01 (một) năm, nên bà N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với ông G và ông G cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà N. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của ông G không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/7/1997. Hai bên đều thống nhất cháu Trần Thị Thủy T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Văn G.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Văn G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 09/7/1997. Hai bên đều thống nhất cháu Trần Thị Thủy T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng bà Nguyễn Thị N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu số 0017372 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí hôn nhân.

Bà Nguyễn Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn G vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP Bến Tre (1b);
- UBND xã SĐ (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thảo